

*Bài 21*  
**PHÁP LUẬT**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**I - MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Về kiến thức**

HS hiểu được định nghĩa đơn giản về pháp luật và vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

**2. Về kỹ năng**

Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật và thói quen sống, làm việc theo pháp luật.

**3. Về thái độ**

Bồi dưỡng tình cảm, niềm tin vào pháp luật.

**II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý**

**1. Về nội dung**

a) Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự bắt buộc do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Pháp luật chỉ phát sinh, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp. Bản chất pháp luật thể hiện ở tính giai cấp – phản ánh ý chí của giai cấp thống trị xã hội. Trong xã hội không có giai cấp cũng không có pháp luật (ví dụ : xã hội Cộng sản nguyên thủy). Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ giai cấp thống trị điều chỉnh các quan hệ xã hội, hướng các quan hệ xã hội phát triển theo một trật tự phù hợp với ý chí của giai cấp mình nhằm bảo vệ, củng cố địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội. Pháp luật chính là công cụ để thực hiện sự thống trị giai cấp. Tuy nhiên, pháp luật do Nhà nước – đại diện cho toàn xã hội ban hành nên cũng mang tính xã hội thể hiện ý chí và lợi ích chung của các giai cấp khác nhau trong xã hội.

### *b) Đặc điểm của pháp luật*

– Tính phổ biến : các quy định pháp luật là thước đo hành vi của mọi người trong xã hội, quy định khuôn mẫu, mô hình xử sự có tính phổ biến chung (phải làm gì, được phép hay không được phép làm gì, chịu trách nhiệm gì và bị xử lý như thế nào khi vi phạm), được áp dụng nhiều lần trong phạm vi rộng lớn. Ví dụ : Luật Giao thông đường bộ, khi qua ngã tư gặp đèn đỏ mọi người, mọi phương tiện đều phải dừng lại ; khi sử dụng xe máy có dung tích trên 50cm<sup>3</sup> phải có giấy phép lái xe...

– Tính xác định chặt chẽ : nội dung các quy định pháp luật rất rõ ràng, chính xác, chặt chẽ để mọi người đều hiểu và xử sự theo một khuôn mẫu thống nhất. Các nội dung của quy tắc được thể hiện trong hình thức xác định được quy định chặt chẽ – văn bản pháp luật.

– Tính bắt buộc (tính cưỡng chế hoặc tính nhà nước) : Pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, nó mang sức mạnh của Nhà nước tác động đến tất cả mọi người, buộc mọi người phải tuân theo – không phân biệt giàu, nghèo, sang hèn, cán bộ hay nhân dân, ai vi phạm tùy từng mức độ cụ thể sẽ bị xử lý. (Điều 52 Hiến pháp năm 1992 – Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật).

c) Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện tính dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân lao động Việt Nam.

Pháp luật nước ta ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trên tất cả các mặt của đời sống xã hội và tạo các điều kiện để bảo đảm việc thực hiện các quyền đó, cụ thể :

– Về chính trị : công dân có quyền tham gia quản lí nhà nước ; quyền được bầu cử, ứng cử vào cơ quan quyền lực nhà nước ; quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan, công chức nhà nước ; quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí...

– Về kinh tế : công dân có quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, quyền lao động...

– Về văn hoá : công dân có quyền và nghĩa vụ học tập...

– Về xã hội : công dân có quyền được bảo vệ chăm sóc sức khoẻ,...

– Đồng thời, công dân còn có các quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân khác như quyền được bảo hộ tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm, quyền tự do đi lại, tự do cư trú, tự do tín ngưỡng,...

Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân. Nhà nước bảo đảm và tạo điều kiện để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân của mình.

#### *d) Vai trò của pháp luật*

– Pháp luật là phương tiện quản lí nhà nước, quản lí xã hội. Thông qua các quy phạm, pháp luật quy định rõ ràng về khuôn khổ, phạm vi, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị – xã hội ; quy định quyền, nghĩa vụ của công dân, yêu cầu mọi cơ quan, tổ chức, mọi công dân phải tuân thủ.

– Phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân : Cùng với việc quy định các quyền, nghĩa vụ của công dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, pháp luật còn quy định biện pháp thực hiện các quyền đó (ví dụ : để thực hiện quyền tự do kinh doanh khi thành lập công ti phải qua các thủ tục do luật quy định) ; quy định các biện pháp bảo vệ quyền (ví dụ : đối với tài sản có giá trị như nhà cửa, xe ô tô... phải đăng kí quyền sở hữu) ; quy định các biện pháp xử lí những hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân ; quy định xử lí hình sự đối với các tội trộm cắp tài sản ; phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (dân sự),...

### **2. Về phương pháp**

Dạy học bài này có thể sử dụng phương pháp diễn giải để phân tích và chứng minh các nội dung kiến thức, kết hợp với tổ chức thảo luận theo nhóm hoặc theo chủ đề cho HS tập làm quen với phương pháp tự học, tự tìm hiểu theo nhóm.

### **3. Tài liệu và phương tiện**

- SGK GDCD 8.
- Máy chiếu, đầu video và băng hình, sơ đồ hệ thống pháp luật.
- Hiến pháp và một số bộ luật, luật.
- Một số câu chuyện pháp luật liên quan đến đời sống hàng ngày của HS như các tấm gương chấp hành pháp luật, bảo vệ pháp luật...

### III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Bài được dạy trong 2 tiết.

- Tiết 1 : Tập trung vào khái niệm và các đặc điểm của pháp luật.
- Tiết 2 : Tính chất dân chủ và vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

#### *Tiết 1*

**Hoạt động 1 :** *Tìm hiểu về pháp luật.*

Cho HS giải quyết tình huống trong mục Đặt vấn đề, trả lời các câu hỏi gợi ý giúp cho HS bước đầu nhận biết pháp luật là quy tắc xử sự chung và có tính bắt buộc, thể hiện ở hai điểm :

- Mọi người đều phải tuân theo pháp luật.
- Ai vi phạm sẽ bị Nhà nước xử lí.

**Hoạt động 2 :** *Tìm hiểu đặc điểm của pháp luật.*

– GV đặt giả thiết : Một trường học không có nội quy, ai muốn đến lớp hay ra về lúc nào cũng được, trong giờ học ai thích làm gì cứ làm theo ý thích thì điều gì sẽ xảy ra ? Gợi ý để HS hình dung một xã hội không có pháp luật thì xã hội sẽ như thế nào. Từ đó dẫn dắt HS đến câu trả lời cho câu hỏi : “Pháp luật là gì ? Vì sao phải có pháp luật ? Vì sao mọi người phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật ?”.

– Kết thúc giờ học trên cơ sở kiến thức ở điểm a, b, mục 1. Về nội dung, GV chốt lại các nội dung, sau đó nêu khái niệm và đặc điểm của pháp luật (nội dung 1, 2 của Bài học).

#### *Tiết 2*

**Hoạt động 3 :** *Thảo luận về pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện tính dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân lao động Việt Nam.*

– Yêu cầu một HS lên nhắc lại những kiến thức đã học ở tiết 1 (khái niệm, đặc điểm của pháp luật), đề nghị cả lớp góp ý bổ sung cho đầy đủ.

– Dựa trên cơ sở điểm c, mục 1. Về nội dung, GV gợi ý cho cả lớp ôn lại những kiến thức về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã học trong chương trình để chứng minh “Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

Việt Nam thể hiện tính dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân lao động Việt Nam”.

**Hoạt động 4 :** *Tìm hiểu và phân tích vai trò của pháp luật đối với xã hội.*

– Trở lại phân tích giả thiết về một xã hội không có pháp luật (ở tiết 1) và từ các đặc điểm của pháp luật, GV cùng HS phân tích để đi đến kết luận : Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lí nhà nước, quản lí xã hội.

– Đề nghị HS tự tìm hiểu và tìm ví dụ trong các bài đã học để chứng minh pháp luật là phương tiện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

– Từ đó rút ra bài học : “Sống, lao động và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

**Hoạt động 5 :** *Bồi dưỡng cho HS tình cảm, niềm tin vào pháp luật.*

– Tổ chức sưu tầm và đọc cho cả lớp nghe một số mẫu chuyện trên các báo, đài về những tấm gương bảo vệ pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Yêu cầu HS về nhà sưu tầm thêm một số mẫu chuyện theo chủ đề đó.

– Kết thúc bài học GV nhắc nhở HS nâng cao ý thức tôn trọng, bảo vệ pháp luật và xây dựng nếp sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

– GV chốt lại điểm 3, 4 ở mục Nội dung bài học trong SGK.

**Gợi ý giải bài tập**

– *Bài tập 1 :*

+ Hành vi vi phạm kỉ luật của Bình như đi học muộn, không làm đủ bài tập, mất trật tự trong lớp do Ban Giám hiệu nhà trường xử lí trên cơ sở Nội quy trường học.

+ Hành vi đánh nhau với các bạn trong trường là hành vi vi phạm pháp luật, căn cứ vào mức độ vi phạm và độ tuổi của Bình, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ áp dụng các biện pháp xử phạt thích đáng.

– *Bài tập 3 :*

+ Ca dao, tục ngữ về quan hệ anh em :

Khôn ngoan đối đáp người ngoài  
Gà cùng một mẹ, chớ hoài đá nhau.

Hoặc :

Em thuận, anh hoà là nhà có phúc.

+ Việc thực hiện các bổn phận trong ca dao, tục ngữ dựa trên cơ sở đạo đức xã hội. Nếu không thực hiện sẽ không bị cơ quan nhà nước xử phạt nhưng sẽ bị dư luận xã hội lên án.

+ Nếu vi phạm Điều 48 Luật Hôn nhân và gia đình thì sẽ bị xử phạt vì đây là quy định của pháp luật.

– Bài tập 4 :

Bảng so sánh sự giống và khác nhau giữa đạo đức và pháp luật

	<b>Đạo đức</b>	<b>Pháp luật</b>
Cơ sở hình thành	Đức kết từ thực tế cuộc sống và nguyện vọng của nhân dân qua nhiều thế hệ.	Do Nhà nước ban hành.
Hình thức thể hiện	Các câu ca dao, tục ngữ, các câu châm ngôn...	Các văn bản pháp luật như bộ luật, luật... trong đó quy định các quyền, nghĩa vụ của công dân, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước...
Biện pháp bảo đảm thực hiện.	Tự giác, thông qua tác động của dư luận xã hội lên án, khuyến khích, khen, chê...	Bằng sự tác động của Nhà nước thông qua tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục hoặc răn đe, cưỡng chế và xử lí các hành vi vi phạm.

#### IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

##### 1. Hiến pháp năm 1992

###### Điều 3

Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, [...] nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

###### Điều 51

Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Nhà nước bảo đảm các quyền của công dân ; công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội.

Quyền và nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và luật quy định.

Điều 52

Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

Điều 79

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia, chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

## **2. Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)**

Điều 138. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm :

a) Có tổ chức ;

b) Có tính chất chuyên nghiệp ;

c) Tái phạm nguy hiểm ;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm ;

đ) Hành hung để tẩu thoát ;

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng ;

g) Gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm :

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng ;

b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân :

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên ;

b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

### **3. Bộ luật Dân sự năm 2005**

#### **Điều 24. Quyền nhân thân**

Quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **Điều 25. Bảo vệ quyền nhân thân**

Khi quyền nhân thân của một cá nhân bị xâm phạm, thì người đó có quyền :

1 – Tự mình cải chính ;

2 – Yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai ;

3 – Yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm bồi thường thiệt hại.